

Số: 27/2024/NQ-HĐND

Ninh Bình, ngày 04 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND
ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình
ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc
quản lý, sử dụng tài sản công và thẩm quyền quyết định việc mua sắm
hàng hoá, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH
KHOÁ XV KỲ HỌP THỨ 26**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;
Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;
Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;
Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về
lựa chọn nhà thầu;
Căn cứ Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của
Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP
ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của
Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Xét Tờ trình số 161/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung
Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng
nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc
quản lý, sử dụng tài sản công và thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hoá,*

dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình Ban hành Quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công và thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình

1. Sửa đổi tên gọi Nghị quyết như sau:

“Nghị quyết ban hành Quy định thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công và thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

“Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công và thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình.”

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình

1. Sửa đổi tên gọi Quy định như sau:

“Quy định thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công và thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 như sau:

“1. Quy định này quy định về thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công và thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình, bao gồm:

a) Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công, hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại điểm a khoản 1 và điểm c, d khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; thẩm quyền quyết định mua sắm vật tiêu hao theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3a, điểm b khoản 2 Điều 37a Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý sử dụng tài sản công (sửa đổi, bổ sung tại khoản 3, khoản 31 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung

một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công);

b) Thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin (bao gồm hoạt động đầu tư hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu và hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin không sẵn có trên thị trường) sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 28 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

c) Thẩm quyền quyết định thuê, xử lý tài sản công (thu hồi; điều chuyển; bán; thanh lý; tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại; điều chuyển, bán vật tư, vật liệu thu hồi được trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công);

d) Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên);

đ) Thẩm quyền quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

e) Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của Dự án sử dụng vốn Nhà nước;

g) Thẩm quyền xác lập sở hữu toàn dân về tài sản;

h) Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là: tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu; bất động sản vô chủ, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, di sản không có người nhận thừa kế.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 như sau:

“Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình, gồm:

a) Cơ quan, đơn vị khối Đảng cấp tỉnh (sau đây gọi là cơ quan, đơn vị) bao gồm: Văn phòng Tỉnh uỷ, cơ quan của Đảng thuộc Tỉnh uỷ, đơn vị sự nghiệp của Đảng là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp tỉnh (chỉ áp dụng đối với quy định tại Điều 5 Quy định này);

b) Cơ quan nhà nước (sau đây gọi là cơ quan);

c) Tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp; tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội (sau đây gọi là tổ chức);

d) Đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi là đơn vị);

đ) Văn phòng Huyện ủy, Thành ủy, đơn vị sự nghiệp của Đảng là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện (sau đây gọi là cơ quan, đơn vị).

2. Đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công; đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“Điều 3. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công, vật tiêu hao (trừ thuốc), hàng hóa, dịch vụ tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị (trừ đơn vị sự nghiệp công lập) thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Quy định này

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định:

a) Việc mua sắm tài sản là trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và các tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô và các loại phương tiện vận tải khác;

b) Việc mua sắm tài sản (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản này), vật tiêu hao, hàng hóa, dịch vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 02 tỷ đồng trở lên/một lần mua sắm (một gói thầu).

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định việc mua sắm tài sản (trừ tài sản là trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và các tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô và các loại phương tiện vận tải khác), vật tiêu hao, hàng hóa, dịch vụ đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị dưới 02 tỷ đồng của đơn vị mình và gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 500 triệu đồng đến dưới 02 tỷ đồng/một lần mua sắm (một gói thầu) của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định việc mua sắm tài sản (trừ tài sản là trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và các tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô và các loại phương tiện vận tải khác), vật tiêu hao, hàng hóa, dịch vụ đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị dưới 500 triệu đồng/một lần mua sắm (một gói thầu) của đơn vị mình.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc mua sắm tài sản (trừ tài sản là trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và các tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô và các loại phương tiện vận tải khác), vật tiêu hao, hàng hóa, dịch vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/một lần mua sắm (một gói thầu) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện (là đơn vị dự toán ngân sách, có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng) quyết định việc mua sắm tài sản (trừ tài sản là trụ sở làm

việc, nhà ở công vụ và các tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô và các loại phương tiện vận tải khác), vật tiêu hao, hàng hóa, dịch vụ đối với nội dung mua sắm có giá trị dưới 500 triệu đồng/một lần mua sắm (một gói thầu) của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công, vật tiêu hao (trừ thuốc), hàng hóa, dịch vụ tại đơn vị sự nghiệp công lập

1. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc mua sắm tài sản là cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô.

2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên, thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản, vật tiêu hao (trừ thuốc), hàng hóa, dịch vụ thực hiện như sau:

a) Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập mua sắm từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc sử dụng nhiều nguồn vốn để mua sắm trong đó nguồn ngân sách nhà nước chiếm từ 50% trở lên/tổng nguồn vốn thì thực hiện theo quy định tại Điều 3 Quy định này;

b) Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để mua sắm trong đó nguồn ngân sách nhà nước chiếm dưới 50%/tổng nguồn vốn:

b1) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc mua sắm tài sản là cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô;

b2) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định mua sắm tài sản (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô), vật tiêu hao, hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của đơn vị.”

6. Bổ sung Điều 4a vào sau Điều 4 như sau:

“Điều 4a. Thẩm quyền quyết định mua sắm vật tiêu hao là thuốc phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 05 tỷ đồng trở lên/một lần mua sắm (một gói thầu).

2. Giám đốc Sở Y tế quyết định mua sắm đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị trên 500 triệu đồng đến dưới 05 tỷ đồng/một lần mua sắm (một gói thầu).

3. Người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập quyết định mua sắm đối với gói thầu, nội dung mua sắm giá trị đến 500 triệu đồng/một lần mua sắm (một gói thầu).”

7. Sửa đổi Điều 6 như sau:

“Điều 6. Thẩm quyền quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản khác phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên)

1. Thẩm quyền quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý và Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản quyết định thuê tài sản khác (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) để phục vụ hoạt động của đơn vị mình.

3. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để thuê tài sản trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định thuê tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.”

8. Sửa đổi Điều 7 như sau:

“Điều 7. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công, bao gồm:

a) Trụ sở làm việc, nhà ở công vụ, cơ sở hoạt động sự nghiệp và các tài sản khác gắn liền với đất;

b) Xe ô tô và các loại phương tiện vận tải khác.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đối với tài sản công trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.”

9. Sửa đổi Điều 9 như sau:

“Điều 9. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công là tài sản cố định trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 43 Luật Quản lý sử dụng tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công là tài sản cố định trừ tài sản quy định tại khoản 5 Điều này, bao gồm:

a) Trụ sở làm việc, nhà ở công vụ, cơ sở hoạt động sự nghiệp và các tài sản khác gắn liền với đất;

b) Xe ô tô và các phương tiện vận tải khác;

c) Tài sản khác trừ tài sản quy định điểm a, điểm b khoản này có nguyên giá từ 02 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định bán tài sản công là tài sản cố định trừ tài sản quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều này có nguyên giá dưới 02 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản của đơn vị mình và nguyên giá từ 300 triệu đồng đến dưới 02 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản công là tài sản cố định trừ tài sản quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều này của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá từ 300 triệu đồng đến dưới 02 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

4. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện (là đơn vị dự toán ngân sách, có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng); Chủ tịch UBND cấp xã được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản quyết định bán tài sản công là tài sản cố định trừ tài sản quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều này có nguyên giá dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

5. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định bán tài sản công (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định.”

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“Điều 10. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định, bao gồm:

a) Nhà làm việc, nhà ở công vụ, công trình sự nghiệp và các tài sản khác gắn liền với đất có nguyên giá từ 02 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản;

b) Xe ô tô và các loại phương tiện vận tải khác.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định trừ tài sản quy định tại khoản 5 Điều này, bao gồm:

a) Nhà làm việc, nhà ở công vụ, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất có nguyên giá dưới 02 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và nguyên giá từ 300 triệu đồng đến dưới 02 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản của đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

b) Các tài sản khác trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và nguyên giá từ 200 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định trừ tài sản quy định tại khoản 5 Điều này của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, bao gồm:

a) Nhà làm việc, nhà ở công vụ, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất có nguyên giá từ 300 triệu đồng đến dưới 02 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản;

b) Các tài sản khác trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này có nguyên giá từ 200 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

4. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện (là đơn vị dự toán ngân sách, có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng); Chủ tịch UBND cấp xã được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định trừ tài sản quy định tại khoản 5 Điều này, bao gồm:

a) Nhà làm việc, nhà ở công vụ, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất có nguyên giá dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản;

b) Các tài sản khác trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này có nguyên giá dưới 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

5. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định, bao gồm:

a) Nhà làm việc, nhà ở công vụ, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất có nguyên giá dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản;

b) Các tài sản khác trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.”

11. Sửa đổi Điều 11 như sau:

“Điều 11. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại là tài sản cố định

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại là tài sản cố định, bao gồm:

a) Nhà làm việc, nhà ở công vụ, công trình sự nghiệp và các tài sản khác gắn liền với đất;

b) Xe ô tô các loại phương tiện vận tải khác.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với các tài sản khác là tài sản cố định trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này của đơn vị mình và nguyên giá từ 300 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với các tài sản khác là tài sản cố định trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá từ 300 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

4. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện (là đơn vị dự toán ngân sách, có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng); Chủ tịch UBND cấp xã được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản quyết định tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với các tài sản khác là tài sản cố định trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này có nguyên giá dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.”

12. Sửa đổi Điều 12 như sau:

“Điều 12. Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án (giao, điều chuyển; bán; thanh lý; tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại)

Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án giao, điều chuyển; bán; thanh lý; tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản thuộc dự án sử dụng vốn nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 Quy định này.”

13. Bổ sung Điều 16a vào sau Điều 16 như sau:

“Điều 16a. Thẩm quyền quyết định điều chuyển, bán vật tư, vật liệu thu hồi được trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công

1. Thẩm quyền quyết định điều chuyển vật tư, vật liệu thu hồi được trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công:

a) Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển vật tư, vật liệu thu hồi được trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã; giữa các huyện, thành phố trực thuộc tỉnh;

b) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển vật tư, vật liệu thu hồi được trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Thẩm quyền quyết định bán vật tư, vật liệu thu hồi được trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công:

a) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định bán vật tư, vật liệu thu hồi được trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công của đơn vị mình và vật tư, vật liệu thu hồi có giá trị (giá khởi điểm bán đấu giá) từ 50 triệu đồng trở lên của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán vật tư, vật liệu thu hồi được trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công có giá trị (giá khởi điểm bán đấu giá) từ 50 triệu đồng trở lên của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

c) Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện (là đơn vị dự toán ngân sách, có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng); Chủ tịch UBND cấp xã quyết định bán vật tư, vật liệu thu hồi được trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công có giá trị (giá bán niêm yết, giá bán chỉ định) dưới 50 triệu đồng.

14. Bổ sung Điều 16b vào sau Điều 16a như sau:

“Điều 16b. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên)

1. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định khai thác tài sản công tại cơ quan, đơn vị mình và của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, bao gồm:

a) Nhà ở công vụ;

b) Tài sản phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ cho việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan nhà nước (nhà ăn, căn tin; nhà/bãi để xe; vị trí lắp đặt máy rút tiền tự động; máy bán hàng tự động; vị trí lắp đặt, xây dựng công trình viễn thông; vị trí lắp đặt màn hình led, tấm pano phục vụ thông tin, tuyên truyền);

c) Tài sản phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị quy định tại khoản 36 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP;

d) Tài sản là di tích lịch sử - văn hóa, di tích lịch sử gắn với đất thuộc đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất xây dựng công trình sự nghiệp; phòng truyền thống của cơ quan.

2. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện (là đơn vị dự toán ngân sách, có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng); Chủ tịch UBND cấp xã được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản quyết định khai thác tài sản công, bao gồm:

a) Quyền sở hữu trí tuệ, bản quyền phần mềm ứng dụng;

b) Cơ sở dữ liệu;

c) Tài sản khác được khai thác theo quy định của pháp luật có liên quan.”

15. Bổ sung Điều 16c vào sau Điều 16b như sau:

“Điều 16c. Thẩm quyền quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức,

đơn vị thuộc phạm vi quản lý trong trường hợp không thực thanh lý tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức đấu giá.”

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khóa XV kỳ họp thứ 26 thông qua ngày 04 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 12 năm 2024.

2. Nghị quyết này bãi bỏ Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình Quy định thẩm quyền quyết định mua sắm thuốc phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình./.

Nội nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Tỉnh Ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh
- Các đại biểu HĐND tỉnh khoá XV;
- VP: Tỉnh uỷ, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ các huyện, thành phố;
- Website Chính phủ, Công báo tỉnh;
- Đài PT&TH tỉnh, Báo Ninh Bình;
- Lưu: VT, phòng TTDN.



CHỦ TỊCH

Mai Văn Tuất